

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số:19/2019/DSST

Ngày 18 tháng 9 năm 2019

"V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Kiên Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tôn Thiết.

2. Ông Phùng Văn Thông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/QĐST-DS ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Văn B, sinh năm 1962. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác Nguyễn Văn Th), sinh năm 1972 và bà Đào Thị H, sinh năm 1975. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Bà Nghiêm Thị Ú, sinh năm 1965 (có mặt)

Đều trú tại: Thôn Phong D, xã Bình D, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2019 cùng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đào Văn B trình bày: Ông là anh trai chị Đào Thị H. Anh Th (tức H) là chồng của em gái ông là chị H. Thường ngày anh mọi người trong gia đình và hàng xóm dân làng vẫn gọi chồng chị H là anh Th, quá trình làm việc tại tòa án ông mới biết ngoài tên là Th, anh Th còn có tên là Nguyễn Văn H. Ngày 25/01/2018 do gặp khó khăn trong việc làm ăn nên anh Th có đến hỏi vợ chồng ông cho vay tiền để làm ăn. Do nể tình anh em nên vợ chồng ông có cho cô chú H, Th vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Anh Th viết giấy vay tiền vợ chồng ông đưa tiền. Chữ viết và chữ ký Th là của anh Th, chữ viết H và Đào Thị H là của anh Th

viết ra. Khi vay tiền chỉ có anh H (Th) viết giấy vay tiền và nhận tiền, ngoài ra không có ai khác. Thỏa thuận bằng miệng là vợ chồng ông cho vợ chồng Th H vay một năm thì trả. Lãi xuất thỏa thuận bằng miệng là 1,5 %/01 tháng. Sau khi vay tiền xong thì anh Th, chị H mới trả được cho vợ chồng ông được 06 tháng tiền lãi, còn lại anh Th chị H không trả cho vợ chồng ông tiền lãi. Sau khi hết 1 năm vợ chồng ông có đến nhà anh chị H Th đòi tiền nhưng anh chị H Th không trả nợ cho vợ chồng ông. Nay ông khởi kiện ra tòa yêu cầu anh Nguyễn Văn Th (tức Nguyễn Văn H) và chị Đào Thị H phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Còn số tiền lãi ông không yêu cầu anh Th (tức H), chị H phải trả. Số tiền cho vợ chồng H Th vay là tài sản chung của vợ chồng ông.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Văn Th) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H trình bày: Anh không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập trong vụ án này. Về mối quan hệ trong gia đình như ông B trình bày là đúng. Tên của anh trong chứng minh nhân dân và giấy khai sinh là Nguyễn Văn H tên thường gọi của anh là Th chứ anh không có tên là Th. Tháng 3/2018 vợ chồng anh có nhận công trình xây dựng nhà ở cho ông B và bà Ú hai bên chỉ hợp đồng miệng với nhau chứ không có hợp đồng xây dựng bằng văn bản. Nhà xây 3 tầng, tại thôn Phong D, xã Bình D. Do vậy ngày 25/01/2018 anh và ông B có chốt số tiền ứng công trình xây dựng từ ông B số tiền là 88.000.000đ (số tiền này anh ứng rất nhiều lần của ông B mới được) Việc này hai bên chỉ đưa tiền không có giấy tờ sổ sách ký nhận gì, tháng 7 năm 2018 (âm lịch) thì hoàn thành công trình. Tổng số tiền công xây dựng là 220.000.000đ. Sau khi hoàn thiện xong từ đó đến nay ông B bà Ú không thanh toán cho anh tiền công và giữ tất cả các đồ đạc, giàn giáo, cốp pha của anh. Hiện nay ông B còn nợ của anh tiền công và giữ tất cả các đồ đạc, giàn giáo, cốp pha tổng cộng là 150.000.000đ. Sau đó anh và chị H có rất nhiều lần vào đòi tiền công làm xây dựng nhà ông Bằng, bà Ú nhưng ông B không trả và còn xảy ra va chạm đánh chửi nhau. Nên mới có chuyện làm ra giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018.

Tháng 9/2018 giữa anh và ông B có xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Anh có đơn trình báo gửi ra công an xã Bình D, huyện V và công an xã có yêu cầu anh viết bản tường trình.

Việc ông B, bà Ú nợ tiền xây nhà của vợ chồng anh. Anh và chị H sẽ có đơn kèm theo các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác, anh và chị H không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Theo đơn khởi kiện của ông B cho rằng vợ chồng anh có vay nợ của ông B 100.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 25/01/2018. Việc vay nợ này là hoàn toàn không có. Từ trước đến nay vợ chồng anh không vay nợ tiền gì của ông B, bà Ú. Do vậy ông B, bà Ú yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền 100.000.000đ

anh không đồng ý. Vì anh không vay nợ tiền gì của ông B. Anh xác nhận giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018 không phải chữ viết và chữ ký của anh và chị H.

Bị đơn chị Đào Thị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H trình bày: Chị không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập trong vụ án này. Về mối quan hệ trong gia đình như ông B trình bày là đúng. Như anh H trình bày về việc vợ chồng chị có nhận xây dựng nhà cho ông B là đúng chị không bổ sung gì. Sau khi hoàn thiện xong nhà từ đó đến nay ông B bà Ú không thanh toán cho vợ chồng chị tiền công và giữ tất cả các đồ đạc, giàn giáo, cốp pha của vợ chồng chị. Hiện nay ông B còn nợ tiền công và giữ tất cả các đồ đạc, giàn giáo, cốp pha tổng cộng là 150.000.000đ của vợ chồng chị. Sau đó vợ chồng chị có rất nhiều lần đến gia đình ông B đòi tiền công xây dựng nhà nhưng ông B không trả và còn xảy ra va chạm đánh chửi nhau. Nên mới có chuyện làm ra giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018 giữa ông B và anh H. Việc ông B, bà Ú nợ tiền xây nhà của vợ chồng chị. Chị sẽ có đơn kèm theo các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác, chị không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Theo đơn khởi kiện của ông B cho rằng vợ chồng chị có vay nợ của ông B, bà Ú 100.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 25/01/2018. Việc vay nợ này chị xác định là không có và từ trước đến nay vợ chồng chị không vay nợ tiền gì của ông B, bà Ú. Nay ông B yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền 100.000.000đ, chị không đồng ý. Tại phiên tòa chị thừa nhận có biết việc ông B, bà Ú đưa 100.000.000đ cho chồng chị nhưng đó không phải tiền vay nợ mà là tiền ông B, bà Ú thanh toán ứng tiền công làm nhà cho vợ chồng chị. Chị xác định giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018 không phải chữ ký của chị nên chị không nợ gì ông B, bà Ú.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nghiêm Thị Ú trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà trình bày: Bà thừa nhận ông Đào Văn B trình bày đúng bà đồng ý với lời trình bày của ông B và không bổ sung gì thêm. Bà yêu cầu vợ chồng anh H (tức Th) và chị H trả lại gia đình bà số tiền đã vay như yêu cầu của ông B.

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ Tòa án nhân dân huyện V có Quyết định trưng cầu giám định số: 01/2019/QĐ-TCGD ngày 20/6/2019 trưng cầu phòng giám định kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện giám định như sau: Chữ viết trong “Giấy vay tiền” viết ngày 25/01/2018 (Ký hiệu M1) so với chữ viết trong “Đơn trình báo, bản tường trình và các chữ viết được đánh dấu (\*) mực đỏ trong trang cuối và trang bìa của quyển sổ giấy tập có phải do một người viết hay không?

Ngày 29/6/2019 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc có kết luận số: 1225/KLGD kết luận: Chữ viết trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A)

so với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) do cùng một người viết ra.

Ngày 07/8/2019 Tòa án nhân dân huyện V có Biên bản xác minh với các nội dung: Xác minh họ tên đầy đủ của anh Nguyễn Văn Hòa (tức Nguyễn Văn Thiết).

Về sổ đăng ký khai sinh: Địa phương không còn lưu trữ hồ sơ khai sinh của những năm 1972 nên không có để cung cấp cho Tòa án giấy khai sinh của anh Nguyễn Văn H ( tức Nguyễn Văn Th).

Tại sổ đăng ký hộ khẩu số 07 thôn Phong Doanh, tờ số 577 số hồ sơ hộ khẩu 568 thể hiện:

Nguyễn Văn Th (H) sinh ngày 04/02/1972 (chủ hộ)

Đào Thị H sinh ngày 05/5/1975 (vợ)

Nguyễn Hoàng Tuê sinh ngày 21/7/1994 (con)

Nguyễn Hoàng Tú sinh ngày 24/11/1998 (con)

Nguyễn Ngọc Tùn sinh ngày 20/7/2019 (cháu)

Nguyễn Thị Ng sinh ngày 13/7/1994 (con dâu);

Theo sổ đăng ký khai sinh năm 1998- 1999 thể hiện:

Tại tờ số 10 dòng 14 từ trên xuống số thứ tự 184 ngày tháng năm đăng ký 27/11/1998; Họ tên Nguyễn Hoàng Tú sinh ngày 24/11/1998 họ tên bố Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972; họ tên mẹ Đào Thị H, sinh năm 1975.

Tòa án có công văn xác minh về việc cấp chứng minh nhân dân cho ông Nguyễn Văn H. Ngày 28/8/2019 Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 101/CV-QLHC trả lời như sau: Họ tên Nguyễn Văn H; sinh ngày 04/02/1972; số CMND: 131061049 được công an tỉnh Vĩnh Phúc lập ngày 18/8/1988; Số CMND: 135521841 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc lập ngày 12/3/2007 ngày 13/9/2012.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, Người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện V không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 161 Bộ luật và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn B và buộc anh Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Văn Th) và chị Đào Thị H phải trả nợ cho ông Đào Văn B số tiền 100.000.000đ tiền. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu vợ chồng

anh H (tức Th) và chị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị Đào Thị H phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông B. Anh H (Th) và chị H phải hoàn trả 2.550.000đ là tiền chi phí tố tụng cho ông Đào Văn B theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa ông Đào Văn B và anh Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Văn Th), chị Đào Thị H là quan hệ tranh chấp dân sự, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn Th (tức Nguyễn Văn H), chị Đào Thị H phải trả lại cho ông số tiền 100.000.000đ. Xác định đây là tranh chấp kiện đòi tài sản khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự thì không áp dụng thời hiệu.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này các đương sự đều thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện. Ông Đào Văn B khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Th (H) và chị Đào Thị H trả ông số tiền 100.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018, ông không yêu cầu tính tiền lãi suất hàng tháng. Bị đơn anh Nguyễn Văn Th (H), chị Đào Thị H cho rằng anh Th không viết giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018, chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018 không phải chữ viết của anh Th (H) và chị H, mà đó là số tiền ứng công xây dựng làm nhà cho ông B.

Xét yêu cầu của của ông B yêu cầu anh Th (tức H), chị H phải trả lại ông số tiền 100.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018 thể hiện ngày 25/01/2018 anh Nguyễn Văn Th (tức H); vợ là Đào Thị H có vay của ông Đào Văn B số tiền là 100.000.000đ, có viết rõ chữ “Th” ghi rõ họ tên Nguyễn Văn Th và ghi rõ họ tên “Đào Thị H”.

Quá trình điều tra xác minh vụ án, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Ban công an xã Bình D, huyện V, là Đơn trình báo viết ngày 06/9/2018 và bản tường trình ngày 06/9/2018 do anh Nguyễn Văn Th viết gửi đến ban công an xã Bình D. Tòa án nhân dân huyện V có Quyết định trưng cầu

giám định số: 01/2019/QĐ-TCGD ngày 20/6/2019 trưng cầu phòng giám định kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện giám định như sau:

Chữ viết trong “Giấy vay tiền” viết ngày 25/01/2018 (Ký hiệu M1) so với chữ viết trong “Đơn trình báo, bản tường trình và các chữ viết được đánh dấu (\*) mực đỏ trong trang cuối và trang bìa của quyển sổ giấy tập có phải do một người viết hay không? Ngày 29/6/2019 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc có kết luận số: 1225/KLGD kết luận: Chữ viết trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) do cùng một người viết ra. Tại biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ ở Tòa án nhân dân huyện V ngày 30/7/2019 anh Nguyễn Văn H (tức Th) có thừa nhận Đơn trình báo viết ngày 06/9/2018 và bản tường trình ngày 06/9/2018 do anh tự viết và gửi đến ban công an xã Bình D, huyện V. Bị đơn chị Đào Thị H mặc dù chị không trực tiếp vay số tiền trên và không ký vào giấy vay tiền nhưng chị có biết có khoản tiền trên, tại các buổi làm việc và tại phiên tòa chị cho rằng đó là khoản tiền công xây nhà mà ông B trả cho anh H, nhưng chị không chứng minh được khoản tiền trong giấy vay tiền đề ngày 25/01/2019 là tiền công thợ do ông B trả cho anh H, mặt khác tại phiên tòa các bên thừa nhận gia đình ông B khởi công làm nhà vào tháng 3/2018. Do vậy cần buộc chị H có trách nhiệm cùng anh H (Th) trả nợ cho ông B. Từ các chứng cứ nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn B, yêu cầu anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị H trả lại số tiền 100.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018 là có căn cứ nên được chấp nhận và ông không yêu cầu tính lãi. Đồng nghĩa với việc anh H, chị H cho rằng không vay tiền gì của ông B, không viết giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018 là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn Th) và chị Đào Thị H trả lại cho ông Đào Văn B số tiền 100.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 25/01/2018 là phù hợp.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị Đào Thị H phải chịu án phí theo giá ngạch. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông B theo quy định.

[6]. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu của ông Đào Văn B được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị Đào Thị H phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị Đào Thị H phải hoàn trả cho ông B 2.550.000đ tiền chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều các Điều 166, 280, 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự và

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn B.

Buộc anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị Đào Thị H phải trả cho ông Đào Văn B số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị Đào Thị H phải chịu 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông B tiền tạm ứng án phí đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ ông đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0002113 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị Đào Thị H phải chịu chi phí tố tụng nên anh Nguyễn Văn H (tức Th) và chị Đào Thị H phải hoàn trả cho ông Đào Văn B số tiền 2.550.000đ (số tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông Đào Văn B đã nộp).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kiên Thành**